

Phụ lục

**DANH MỤC CÁC NỘI DUNG UBND TỈNH ĐĂNG KÝ TRÌNH KỲ HỌP THƯỜNG LỆ NĂM 2024,
HĐND TỈNH KHÓA XII, NHIỆM KỲ 2021-2026**

(Gửi kèm theo Tờ trình số: /TTr-UBND ngày /11/2023 của UBND tỉnh)

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------------|---------|
| I | Kỳ họp giữa năm 2024 | | | |
| 1. | Dự thảo Nghị quyết thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2025. | Căn cứ Khoản 5 Điều 56 Luật Đầu tư công 2019 quy định “Trước ngày 25 tháng 7 hàng năm, Ủy ban nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua dự kiến kế hoạch đầu tư công năm sau”. | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |
| 2. | Dự thảo Nghị quyết quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Căn cứ Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 09/2023/TT-BTC ngày 08/02/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định: “3. Căn cứ vào khả năng ngân sách, tình hình thực tế địa phương và tính chất mỗi hoạt động kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản tại địa phương; trường hợp các địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi | Sở Tài chính | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------|---------|
| | | <i>thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định tại Thông tư này để thực hiện”.</i> | | |
| 3. | Dự thảo Nghị quyết thông qua quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Gia Lai. | Căn cứ Khoản 5, Điều 8 Nghị định 72/2023/NĐ-CP ngày 26/9/2023 quy định: “ <i>Ngoài số xe ô tô đã được xác định theo quy định tại các Điều 9, 10, 11, và 12 Nghị định này, bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau khi có ý kiến thống nhất của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) xem xét, quyết định số lượng xe ô tô bán tải, xe ô tô từ 12 - 16 chỗ ngồi phục vụ công tác chung cho các cơ quan, đơn vị được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm lâm, phòng chống cháy rừng, phòng chống dịch bệnh trong nông nghiệp, tuần tra biên giới, phục vụ người có công, bảo trợ xã hội, phân giới cắm mốc, điều tra cơ bản địa chất và khoáng sản, quan trắc phân tích mẫu môi trường thuộc phạm vi quản lý của bộ, cơ quan trung ương, địa phương đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả”.</i> | Sở Tài chính | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|---|--|----------------|
| 4. | Dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; - Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; theo văn bản số 413/UBTVQH15-CTDB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lời Thường trực HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất, đồng gửi Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố: "...<i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất</i>". | Sở Tài chính | |
| 5. | Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển lâm nghiệp bền vững trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Điểm 2, điểm 5 Kết luận số 61-KL/TW ngày 17/8/2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|--|-----------------------------|----------------|
| | | <p>- Căn cứ khoản 13, điểm 1, mục V Báo cáo số 64/BC-HĐND ngày 04/10/2022 của Đoàn Giám sát “<i>Công tác quản lý, bảo vệ rừng và trồng rừng trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2017 – 2021</i>” đề nghị UBND tỉnh “<i>Nghiên cứu, đề xuất HĐND tỉnh ban hành nghị quyết đặc thù quy định về phát triển lâm nghiệp theo hướng nâng mức hỗ trợ trồng rừng tương đối so với mức hỗ trợ kinh phí trồng rừng sản xuất theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ</i>”.</p> | | |
| 6. | Dự thảo Nghị quyết điều chỉnh, bổ sung bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 của các huyện, thị xã, thành phố. | <p>- Căn cứ Khoản 1, Điều 14 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP và khoản 3 Điều 9 Thông tư 36/2014/TT - BTNMT;</p> <p>- Căn cứ quy định tại điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;</p> <p>- Theo văn bản số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lời Thường trực HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về thẩm</p> | Sở Tài nguyên và Môi trường | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------|---------|
| | | quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất, đồng gửi Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố: "... <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất</i> " | | |
| 7. | Dự thảo Nghị quyết thông qua Đồ án Quy hoạch phân khu xây dựng tỷ lệ 1/2.000 Khu phức hợp Đak Đoa, huyện Đak Đoa, tỉnh Gia Lai. | - Căn cứ khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018 (sửa đổi, bổ sung Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014) quy định: " <i>UBND các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình HĐND cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt</i> ". | Sở Xây dựng | |
| 8. | Dự thảo Nghị quyết ban hành Quy chế Quản lý kiến trúc thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. | - Căn cứ Khoản 4 Điều 14 Luật Kiến trúc 2018 quy định " <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng quy chế quản lý kiến trúc và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi ban hành; đối với quy chế quản lý kiến trúc của đô thị loại đặc biệt, đô thị loại I là thành phố trực thuộc trung</i> | Sở Xây dựng | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|--|---------------------------------|----------------|
| | | <i>uong thì phải có ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng”.</i> | | |
| 9. | Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 108/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của HĐND tỉnh về “ <i>Quy định một số chính sách hỗ trợ về đầu tư du lịch, hoạt động xúc tiến du lịch và phát triển du lịch cộng đồng</i> ”. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Khoản 1 Điều 12 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; - Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030; - Nghị quyết số 82/NQ-CP ngày 18/5/2023 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh phục hồi, tăng tốc phát triển du lịch hiệu quả, bền vững; - Thông báo số 106/TB-VP ngày 07/9/2023 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh kết luận của đồng chí Nguyễn Thị Thanh Lịch – Phó Chủ tịch tại buổi họp Ban Chỉ đạo phát triển du lịch tỉnh ngày 17/8/2023, giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền về việc tăng các mức hỗ trợ theo quy định. | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------|---------|
| 10. | Dự thảo Nghị quyết ban hành Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực Y tế - Dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <p>Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập có quy định “<i>Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo phân cấp thuộc phạm vi quản lý của địa phương và phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương...</i>”.</p> | Sở Y tế | |
| 11. | Dự thảo Nghị quyết ban hành chính sách đào tạo, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao và chính sách đãi ngộ đối với công chức, viên chức, người lao động ngành y tế tỉnh Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Điểm 6 mục II phần III của Đề án ban hành kèm theo Quyết định số 429/QĐ-UBND ngày 22/7/2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án “Phát triển hệ thống y tế tỉnh Gia Lai đến năm 2030”. - Căn cứ Điểm h, khoản 9, Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định về Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp: “<i>Quyết định các chế độ</i> | Sở Y tế | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|------------------------|---------|
| | | <i>chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách do Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương”.</i> | | |
| 12. | Dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập thuộc tỉnh Gia Lai năm học 2024-2025. | <p>Căn cứ Khoản 3 Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định:</p> <p>“a) Từ năm học 2023 - 2024 trở đi, khung học phí được điều chỉnh theo tỷ lệ phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội của địa phương, tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm và khả năng chi trả của người dân nhưng không quá 7,5%/năm;</p> <p>b) Căn cứ khung học phí quy định tại điểm a khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết</p> | Sở Giáo dục và Đào tạo | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|---|--|--------------------------|----------------|
| | | <i>định mức thu học phí cụ thể nhưng không vượt mức trần quy định”.</i> | | |
| 13. | Dự thảo Nghị quyết quy định mức hỗ trợ đóng BHYT cho người đồng bào dân tộc thiểu số đang sinh sống tại địa bàn các xã khu vực II, xã khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2016-2020 mà các xã này không còn trong danh sách các xã khu vực II, khu vực III, thôn đặc biệt khó khăn thuộc vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2025 theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và người cao tuổi từ 60 đến dưới 80 tuổi trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2024-2025. | <ul style="list-style-type: none"> - Luật BHYT năm 2008; - Luật BHYT sửa đổi, bổ sung năm 2014; - Căn cứ Điều c, khoản 1, điều 2 Quyết định 546/QĐ-TTg ngày 29/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ quy định: “<i>UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình HDND để bố trí ngân sách địa phương và huy động mọi nguồn lực để hỗ trợ thêm cho người dân tham gia BHYT</i>”. | Bảo hiểm xã hội tỉnh | |
| 14. | Dự thảo Nghị quyết Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ điều g khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh: “<i>g) Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ</i>”. | Sở Khoa học và Công nghệ | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|----------------|--|-----------------|---------|
| | | <p>- Căn cứ khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC, quy định thẩm quyền phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ:</p> <p>“1. Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư này là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi là các bộ, cơ quan trung ương) và các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng tối đa không vượt</p> | | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------|---------|
| | | <p>quá định mức quy định tại Thông tư này... ”.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 về việc hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước. | | |
| 15. | Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <p>Căn cứ Khoản 1 Điều 5 Thông tư số 56/2023/TT-BTC ngày 18/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở quy định:</p> <p>“1. Mức chi thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, chuẩn tiếp cận pháp luật và hòa giải ở cơ sở quy định tại Thông tư này là mức chi tối đa. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương quy định các mức chi cụ thể đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để</p> | Sở Tư pháp | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------|---|
| | | <i>thực hiện cho phù hợp trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác; Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quy định các mức chi cụ thể để thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương. Trường hợp các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, địa phương chưa ban hành văn bản quy định cụ thể mức chi thì các cơ quan, đơn vị được áp dụng quy định về mức chi tại Thông tư này để thực hiện”.</i> | | |
| 16. | Dự thảo Nghị quyết sắp xếp, sáp nhập đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2023 - 2025 theo quy định tại Kết luận số 48-KL/TW của Bộ Chính trị. | <ul style="list-style-type: none"> - Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 132, Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015. - Căn cứ Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 24/12/2018 của Bộ Chính trị; Nghị quyết số 35/2023/UBTVQH15 ngày 12/7/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Nghị quyết số 117/NQ-CP ngày 30/7/2023 của Chính phủ về thực hiện sắp xếp các đơn | Sở Nội vụ | Trong trường hợp không kịp thời gian trình HĐND tỉnh tổ chức vào giữa năm 2024, thì đề nghị cho phép tổ chức kỳ họp |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|---|--|------------------------|----------------|
| | | vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2023 - 2025. | | chuyên đề. |
| 17. | Dự thảo Nghị quyết quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ cơ sở trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 85 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; - Điểm đ, khoản 2, mục II Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; - Điểm a, khoản 2, mục II Kế hoạch số 1460/KH-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh triển khai thi hành Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở. | Sở Nội vụ | |
| 18. | Dự thảo Nghị quyết quyết định biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện; Phê duyệt tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai | <ul style="list-style-type: none"> - Điều 15 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức. - Điều 13 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập. | Sở Nội vụ | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|---|---|------------------------|----------------|
| 19. | Dự thảo Nghị quyết phê duyệt tổng số biên chế của các tổ chức hội được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ năm 2024 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 45/2010/NĐ-CP ngày 21/4/2010 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội. Văn bản số 3947/BNV-TCBC ngày 16/8/2018 và Văn bản số 6261/BNV-TCBC ngày 25/12/2018 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn xử lý vấn đề biên chế của hội. | Sở Nội vụ | |
| 20. | Dự thảo Nghị quyết quy định tên, đối tượng và tiêu chuẩn tặng Kỷ niệm chương tỉnh Gia Lai. | Khoản 2 Điều 71 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 (hiệu lực ngày 01/01/2024) quy định: “ <i>Tên kỷ niệm chương, đối tượng và tiêu chuẩn tặng kỷ niệm chương do Bộ, ban, ngành, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cơ quan trung ương của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc</i> | Sở Nội vụ | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------------------------|---------|
| | | có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương quy định”. | | |
| 21. | Dự thảo Nghị quyết quyết định số lượng cán bộ, công chức cấp xã đối với từng huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024 | Khoản 4, Điều 6 và khoản 4, Điều 33 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10/6/2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố quy định: “ <i>Hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định số lượng người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã đối với từng đơn vị hành chính cấp huyện thuộc phạm vi quản lý cho phù hợp với yêu cầu của thực tiễn...</i> ” | Sở Nội vụ | |
| 22. | Dự thảo Nghị quyết Quy định đối tượng cho vay theo Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. | Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác. | Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh. | |
| 23. | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|--|------------------------|----------------|
| | quốc phòng 6 tháng đầu năm 2024, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. | | | |
| 24. | Báo cáo tình hình thu, chi ngân sách 6 tháng đầu; dự toán thu, chi ngân sách 6 tháng cuối năm 2024. | | Sở Tài chính | |
| 25. | Báo cáo tình hình, kết quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. | | Công an tỉnh | |
| 26. | Báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí 6 tháng đầu năm 2024, phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. | | Sở Tài chính | |
| 27. | Báo cáo tình hình công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo; công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2024. | | Thanh tra tỉnh | |
| II | Kỳ họp cuối năm 2024 | | | |
| 1. | Dự thảo Nghị quyết phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2025. | Căn cứ Khoản 3 điều 83 Luật Đầu tư công 2019 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND các cấp: “ <i>Quyết định kế hoạch</i> | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|---|--|-----------------|---------|
| | | <i>đầu tư công trung hạn và hàng năm của địa phương, bao gồm toàn bộ danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương”.</i> | | |
| 2. | Dự thảo Nghị quyết phân bổ dự toán ngân sách địa phương và phương án phân bổ ngân sách cấp tỉnh năm 2025. | Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015. | Sở Tài chính | |
| 3. | Dự thảo Nghị quyết phê chuẩn quyết toán ngân sách địa phương năm 2023. | Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015. | Sở Tài chính | |
| 4. | Dự thảo Nghị quyết thông qua hệ số điều chỉnh giá đất năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 19 Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014; theo văn bản số 413/UBTVQH15-CTĐB ngày 08/02/2023 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trả lời Thường trực HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về thẩm quyền của HĐND cấp tỉnh trong việc điều chỉnh bảng giá đất, đồng gửi Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố: "...Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các | Sở Tài chính | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|---|--|----------------|
| | | nội dung liên quan đến việc điều chỉnh giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất" | | |
| 5. | Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quy định hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Căn cứ Điểm đ Khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ quy định trách nhiệm của UBND cấp tỉnh xây dựng, trình HĐND tỉnh cùng cấp quyết định “ <i>Định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, nhiệm vụ phát triển sản xuất theo quy định tại Điều 21, Điều 22; nội dung hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp quy định tại Điều 21; nội dung hỗ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất theo quy định tại Điều 22 Nghị định này</i> ”. | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |
| 6. | Dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi | Căn cứ Điểm h khoản 1 Điều 80 Chương VII Luật Chăn nuôi ngày 19/11/2018 quy | Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|-----|--|---|-----------------------------|---|
| | khu vực không được phép chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chính sách hỗ trợ khi di dời cơ sở chăn nuôi ra khỏi khu vực không được phép chăn nuôi”. | | |
| 7. | Dự thảo Nghị quyết thông qua Danh mục các công trình dự án cần thu hồi đất thực hiện trong năm 2025. | - Căn cứ Khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai năm 2013; - Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch năm 2018 “UBND cấp tỉnh trình HĐND cùng cấp thông qua danh mục dự án cần thu hồi đất quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật này trước khi phê duyệt kế hoạch sử dụng đất cấp huyện”. | Sở Tài nguyên và Môi trường | |
| 8. | Dự thảo Nghị quyết thông qua Bảng giá đất giai đoạn 2025-2029 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. | Khoản 1, Điều 114 Luật đất đai năm 2013: "Căn cứ nguyên tắc, phương pháp định giá đất và khung giá đất, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua bảng giá đất trước khi ban hành. Bảng giá đất được xây dựng định kỳ 05 năm một lần và | Sở Tài nguyên và Môi trường | Trường hợp Luật Đất đai (sửa đổi) ban hành hoặc có văn bản về tiếp tục sử dụng bảng |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|-----------------------|--|------------------------|---|
| | | <i>công bố công khai vào ngày 01 tháng 01 của năm đầu kỳ."</i> | | giá đất hiện hành đến hết 31/12/2025 thì Sở Tài nguyên và Môi trường sẽ có văn bản xin rút lại nội dung trình (Theo dự thảo 2 TT Nội dung trình Căn cứ để trình Cơ quan chủ trì Ghi chú Luật Đất đai (sửa đổi) thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|---|---|------------------------|--|
| | | | | Bảng giá đất lần đầu đê công bố và thực hiện từ ngày 01 tháng 01 năm 2026) |
| 9. | Dự thảo Nghị quyết thông qua đồ án nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Pleiku và vùng phụ cận đến năm 2040, định hướng đến năm 2050. | Căn cứ khoản 4 Điều 34 Luật Xây dựng năm 2014 (Được sửa đổi bởi Khoản 9 Điều 28 Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch 2018) quy định: “ <i>Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức lập quy hoạch xây dựng có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định trước khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.</i> ” | Sở Xây dựng | |
| 10. | Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng năm 2024, nhiệm vụ năm 2025. | | Sở Kế hoạch và Đầu tư | |
| 11. | Báo cáo tình hình thu, chi ngân sách năm 2024; kế hoạch dự toán thu, chi | | Sở Tài chính | |

| STT | Nội dung trình | Căn cứ để trình | Cơ quan chủ trì | Ghi chú |
|------------|--|--|------------------------|----------------|
| | ngân sách năm 2025. | | | |
| 12. | Báo cáo kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm giai đoạn 2025 -2027. | Điều 43 Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015. | Sở Tài chính | |
| 13. | Báo cáo tình hình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024. | | Sở Tài chính | |
| 14. | Báo cáo tài chính Nhà nước năm 2023. | | Kho bạc Nhà nước | |
| 15. | Báo cáo tình hình thực hiện công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025. | | Thanh tra tỉnh | |
| 16. | Báo cáo tình hình công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật năm 2024 và phương hướng nhiệm vụ năm 2025. | | Công an tỉnh | |